

# RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event	Type
Coupe du Monde *	Hong Kong	2023-12-02	J	E	M	I	A

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

## Pool 1 Piste Blue 10:30

Referee: REYES Michelle (PHI)

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	V/M	HS	HR	HS/HR
HKG	LEE Yuet Sun		V/5	D/1	D/4	V/5	D/2	D/3	0.33	20	25	-5
TPE	LIN Hsuan-Yu	D/4		D/3	D/3	V/5	D/3	V/5	0.33	23	25	-2
SGP	KOK Kieron	V/5	V/5		V/2	V/5	D/4	D/2	0.67	23	17	6
HKG	WONG Yi Nok	V/5	V/5	D/0		V/3	D/4	V/5	0.67	22	19	3
MAC	LAI In Nam	D/1	D/2	D/3	D/1		D/2	D/0	0	9	28	-19
AUS	LABAKI Samuel	V/5	V/5	V/5	V/5	V/5		D/4	0.83	29	20	9
JPN	USUI Kosei	V/5	D/3	V/5	D/4	V/5	V/5		0.67	27	19	8

## Pool 2 Piste Yellow 10:30

Referee: HO Peng I (MAC)

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	V/M	HS	HR	HS/HR
HKG	AU Ting Tsun		D/2	V/5	D/0	D/4	D/3	D/1	0.17	15	29	-14
POL	WALKOWIAK Szymon	V/5		V/5	V/5	D/4	D/2	D/3	0.5	24	22	2
NZL	TICKLE Sidney	D/4	D/2		D/2	D/0	D/1	D/4	0	13	30	-17
HKG	LAM Wai Tai David	V/5	D/3	V/5		V/5	V/4	D/3	0.67	25	18	7
AUS	MCCLELLAND Darcy	V/5	V/5	V/5	D/3		D/4	V/5	0.67	27	20	7
KOR	LEE Yunjae	V/5	V/5	V/5	D/3	V/5		D/3	0.67	26	19	7
UKR	SAMOILOV Roman	V/5	V/5	V/5	V/5	D/2	V/5		0.83	27	19	8

## Pool 3 Piste Green 10:30

Referee: CLAYDON Michael (NZL)

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	V/M	HS	HR	HS/HR
HKG	CHAN Wing Tung		V/5	V/5	V/5	D/3	V/5	D/0	0.67	23	20	3
AUS	GOH Jinlin	D/4		D/0	V/5	V/5	V/5	V/5	0.67	24	22	2
JPN	NAKAMOTO Naoshi	D/2	V/5		V/5	V/5	V/5	D/3	0.67	25	15	10
HKG	KO Tsz Long	D/3	D/3	D/3		V/5	V/5	D/4	0.33	23	24	-1
EGY	ELGEZZERY Badreldin	V/5	D/4	D/2	D/4		V/5	D/2	0.33	22	27	-5
MAC	YONG William	D/1	D/2	D/0	D/0	D/4		D/0	0	7	30	-23
KOR	BAE Junho	V/5	D/3	V/5	V/5	V/5	V/5		0.83	28	14	14

## Pool 4 Piste Red 10:30

Referee: LEI Yu Ru (TPE)

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	V/M	HS	HR	HS/HR
HKG	YEUNG Kit Shing		D/1	D/3	D/0	V/5	D/1	D/3	0.17	13	27	-14
SGP	CHIA Thadeus Juay Che	V/3		V/5	V/5	V/5	D/4	D/0	0.67	22	16	6
INA	LUKMAN Andi Akbar Wirasa Tuhu	V/5	D/0		D/2	D/4	D/1	D/2	0.17	14	28	-14
HKG	CHAN Adrian	V/5	D/3	V/5		V/5	V/5	V/5	0.83	28	19	9
PHI	FUENTES Enrico Gabriel	D/4	D/2	V/5	D/4		D/2	V/5	0.33	22	25	-3
NZL	GOUGE Cooper	V/5	V/5	V/5	D/4	V/5		V/5	0.83	29	14	15
JPN	YOSHIDA Soshi	V/5	V/5	V/5	D/4	D/1	D/1		0.5	21	20	1

## Pool 5 Piste 5 10:30

Referee: VIZCAYNO Wilfredo Jr (PHI)

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	W/L	V/M	HS	HR	HS/HR
HKG	LIM Julien Kenneth		V/5	V/5	V/5	V/5	D/3	V/5	0.83	28	15	13
JPN	SHINOHARA Koh	D/2		V/5	V/5	V/5	V/5	V/5	0.83	27	15	12
MGL	ERDENEBAT Temuulen	D/2	D/1		V/5	D/4	D/4	V/5	0.33	21	24	-3
HKG	LI Cheuk Him Isaac	D/2	D/3	D/2		D/1	D/3	V/5	0.17	16	27	-11
MAC	LEE Cheok Nam	D/1	D/1	V/5	V/5		V/5	V/5	0.67	22	23	-1
NZL	PETERSON Nolan	V/5	D/4	V/5	V/5	D/4		V/5	0.67	28	24	4
TPE	WU Yi-Zhe	D/3	D/1	D/2	D/2	D/4	D/4		0	16	30	-14

## Pool 6 Piste 6 10:30

Referee: FUENZALIDA Richard (PHI)

V/M HS HR HS/HR

HKG	LAU Ka Long		V/5	V/5	V/5	D/3	V/2	D/2	0.67	22	14	8	
MAC	SUNG Ka Wing	D/1		D/4	V/5	D/4	D/0	D/2	0.17	16	24	-8	
AUS	POWRIE Liam	D/1	V/5		D/3	D/3	D/1	D/1	0.17	14	27	-13	
HKG	KAM Shun Yiu Aidan	D/1	D/3	V/5		D/1	D/0	D/3	0.17	13	28	-15	
JPN	YUMINAGA Takayuki	V/5	V/5	V/5	V/5		D/3	D/3	0.67	26	21	5	
GER	DERGAY David	D/1	V/1	V/3	V/5	V/5		D/2	0.67	17	11	6	
TPE	LEE Rang	V/5	V/5	V/5	V/5	V/5	V/5		1	30	13	17	

## Pool 7 Piste 7 10:30

Referee: HUANG Hao Chih (TPE)

V/M HS HR HS/HR

HKG	JIAN Long Hin		D/2	V/5	V/5	D/0	D/2	V/5	0.5	19	23	-4	
SGP	KOK Kieron Zi Hua	V/5		D/4	D/1	D/3	D/3	V/5	0.33	21	25	-4	
GER	GLASER Moritz	D/4	V/5		V/5	V/5	D/3	V/5	0.67	27	23	4	
HKG	LAI Ka Hei	D/3	V/5	D/4		D/0	D/0	V/4	0.33	16	24	-8	
ESP	FERNANDEZ CALLEJA Alvaro	V/3	V/5	D/3	V/5		V/5	V/5	0.83	26	10	16	
JPN	ITO Kaiun	V/5	V/5	V/5	V/5	D/2		V/5	0.83	27	13	14	
MAC	TAI Wang Chon	D/3	D/3	D/2	D/3	D/0	D/0		0	11	29	-18	

## Pool 8 Piste 8 10:30

Referee: KIM Seung Jun (KOR)

V/M HS HR HS/HR

HKG	WANG Liangdi		D/1	D/1	D/3	D/2	D/1	D/3	0	11	29	-18	
HKG	TSANG Yun Tin	V/4		V/5	V/5	D/3	D/4	V/5	0.67	26	18	8	
HKG	HE Robin	V/5	D/4		D/1	D/4	V/5	V/5	0.5	24	23	1	
SGP	LEE Benjamin Shijie	V/5	D/1	V/5		D/1	D/2	V/5	0.5	19	23	-4	
JPN	KOJO Hayato	V/5	V/5	V/5	V/5		V/5	D/4	0.83	29	19	10	
MAC	HUANG Fohei	V/5	V/5	D/4	V/5	D/4		V/5	0.67	28	21	7	
TPE	PAN Yi-Chuan	V/5	D/2	D/3	D/4	V/5	D/4		0.33	23	27	-4	

## Pool 9 Piste 10 10:30

Referee: SATO Hideaki (JPN)

V/M HS HR HS/HR

HKG	HSU Jia Huan Kenton		V/5	D/3	V/5	V/5	V/5	V/5	0.83	28	18	10	
HKG	WONG Tsz Ho	D/3		V/5	V/5	V/5	D/3	V/5	0.67	26	20	6	
HKG	WONG Ho Hin	V/5	D/3		V/5	V/5	V/5	D/2	0.67	25	20	5	
KOR	AN Lihan	D/4	D/4	D/4		V/5	V/5	V/3	0.5	25	22	3	
MAC	LAI Cheek Hei	D/0	D/0	D/1	D/3		D/1	D/1	0	6	30	-24	
SGP	ONG Azfar Luqman	D/3	V/5	D/2	D/2	V/5		V/5	0.5	22	22	0	
TPE	CHANG Chih-Yu	D/3	D/3	V/5	D/2	V/5	D/3		0.33	21	21	0	

## Pool 10 Piste 11 10:30

Referee: HOI Kio Heng (MAC)

V/M HS HR HS/HR

HKG	CHEN Chun Hei		D/4	D/2	V/5	V/5	V/5	V/5	0.6	21	20	1	
HKG	YUEN Nok Man	V/5		D/4	V/5	V/5	D/1		0.6	20	17	3	
TPE	LIN Jhe-Cyun	V/5	V/5		V/5	V/5	V/5	V/5	1	25	13	12	
NZL	BALL LA HOOD Joel	D/4	D/1	D/3		V/5	V/5		0.4	18	19	-1	
PHI	RAMOS John Dexter	D/4	D/2	D/3	D/2		D/3		0	14	25	-11	
MLT	NESTERUK Mikhail	D/2	V/5	D/1	D/2	V/5			0.4	15	19	-4	

## Pool 11 Piste 12 10:30

Referee: SUKMAWAN Andi (INA)

V/M HS HR HS/HR

HKG	SO Man Him Elroy		D/3	V/1	D/3	V/4	D/4		0.4	15	18	-3	
HKG	HUNG Hong Chun Trillion	V/5		D/1	V/5	V/5	V/5		0.8	21	14	7	
GER	SIGMUND Philipp	D/0	V/2		V/5	V/5	V/5		0.8	17	10	7	
TPE	JANG Zong-Kai	V/5	D/4	D/1		D/4	V/5		0.4	19	22	-3	
SGP	SUN QI Cevin	D/3	D/2	D/3	V/5		D/4		0.2	17	23	-6	
AUS	HILL Alister	V/5	D/3	D/4	D/4	V/5			0.4	21	23	-2	

## Pool 12 Piste 13 10:30

Referee: CHOW Hoi Yan (HKG)  
CHANTASUVANNASIN Nunta (THA)

V/M HS HR HS/HR

HKG	NG Siu Foo		V/5	D/3	D/3	V/5	D/4	0.4	20	17	3	
HKG	CHAN Yik Yuen	D/3		D/4	V/5	V/5	V/5	0.6	22	15	7	
SGP	HO Ian Tsung Sian	V/4	V/5		V/5	V/5	D/4	0.8	23	16	7	
INA	SUNDARA Arval Raziul Ridwan	V/4	D/1	D/3		V/5	D/2	0.4	15	19	-4	
PHI	SON Diego Rafael	D/1	D/2	D/1	D/1		D/3	0	8	25	-17	
TPE	CHEN Bing-Jyun	V/5	D/2	V/5	V/5	V/5		0.8	22	18	4	

## Pool 13 Piste 14 10:30

Referee: LIU Firen (HKG)  
MA Quan (CHN)

V/M HS HR HS/HR

HKG	TANG Cheuk Yin		V/4	D/4	V/5	V/5	V/5	0.8	23	17	6	
HKG	CHAN Edward	D/3		V/5	D/2	D/1	V/5	0.4	16	20	-4	
TPE	CHEN Pin-Jui	V/5	D/3		V/5	V/5	D/3	0.6	21	17	4	
NZL	PRICE James	D/4	V/5	D/1		D/2	D/4	0.2	16	22	-6	
SGP	SHEE Tim Zhe Guang	D/4	V/5	D/2	V/5		V/5	0.6	21	13	8	
PHI	CABRERA Jose Faber	D/1	D/3	V/5	V/5	D/0		0.4	14	22	-8	

## Pool 14 Piste 15 10:30

Referee: BATKHUU Tsolmon (MGL)

V/M HS HR HS/HR

HKG	GAO Ying Chuen		V/5	V/5	V/5	D/4	V/5	0.8	24	12	12	
HKG	LAU Wan King	D/1		D/4	D/1	D/2	D/4	0	12	25	-13	
SGP	TAN Yun Kai	D/3	V/5		V/5	D/4	V/5	0.6	22	18	4	
AUS	LIU Henry	D/1	V/5	D/2		D/2	D/4	0.2	14	21	-7	
JPN	YASUDA Kazuma	V/5	V/5	V/5	V/5		V/5	1	25	15	10	
PHI	MALVAR Lorenzo Miguel	D/2	V/5	D/2	V/5	D/3		0.4	17	23	-6	

# RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event	Type
Coupe du Monde *	Hong Kong	2023-12-02	J	E	M	I	A

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

Place	Name	Age	Nation	V	M	TD	TR	Ind.	Diff	Q
1	LEE Rang	16	TPE	6	6	30	13	1	17	+
2	LIN Jhe-Cyun	16	TPE	5	5	25	13	1	12	+
3	YASUDA Kazuma	19	JPN	5	5	25	15	1	10	+
4	FERNANDEZ CALLEJA Alvaro	19	ESP	5	6	26	10	0.833	16	+
5	GOUGE Cooper	18	NZL	5	6	29	14	0.833	15	+
6	BAE Junho	18	KOR	5	6	28	14	0.833	14	+
7	ITO Kaiun	19	JPN	5	6	27	13	0.833	14	+
8	LIM Julien Kenneth	17	HKG	5	6	28	15	0.833	13	+
9	SHINOHARA Koh	18	JPN	5	6	27	15	0.833	12	+
10	KOJO Hayato	19	JPN	5	6	29	19	0.833	10	+
11	HSU Jia Huan Kenton	16	HKG	5	6	28	18	0.833	10	+
12	LABAKI Samuel	19	AUS	5	6	29	20	0.833	9	+
13	CHAN Adrian	19	HKG	5	6	28	19	0.833	9	+
14	SAMOILOV Roman	19	UKR	5	6	27	19	0.833	8	+
15	GAO Ying Chuen	16	HKG	4	5	24	12	0.8	12	+
16	HO Ian Tsung Sian	17	SGP	4	5	23	16	0.8	7	+
17	HUNG Hong Chun Trillion	18	HKG	4	5	21	14	0.8	7	+
18	SIGMUND Philipp	18	GER	4	5	17	10	0.8	7	+
19	TANG Cheuk Yin	19	HKG	4	5	23	17	0.8	6	+
20	CHEN Bing-Jyun	15	TPE	4	5	22	18	0.8	4	+
21	NAKAMOTO Naoshi	19	JPN	4	6	25	15	0.667	10	+
22	USUI Kosei	18	JPN	4	6	27	19	0.667	8	+
23	TSANG Yun Tin	18	HKG	4	6	26	18	0.667	8	+
24	LAU Ka Long	16	HKG	4	6	22	14	0.667	8	+
25	HUANG Fohei	15	MAC	4	6	28	21	0.667	7	+
26	MCCLELLAND Darcy	18	AUS	4	6	27	20	0.667	7	+
27	LEE Yunjae	15	KOR	4	6	26	19	0.667	7	+
28	LAM Wai Tai David	16	HKG	4	6	25	18	0.667	7	+
29	WONG Tsz Ho	15	HKG	4	6	26	20	0.667	6	+
30	KOK Kieron	18	SGP	4	6	23	17	0.667	6	+
31	CHIA Thadeus Juay Che	19	SGP	4	6	22	16	0.667	6	+
32	DERGAY David	19	GER	4	6	17	11	0.667	6	+
33	YUMINAGA Takayuki	18	JPN	4	6	26	21	0.667	5	+
34	WONG Ho Hin	17	HKG	4	6	25	20	0.667	5	+
35	PETERSON Nolan	17	NZL	4	6	28	24	0.667	4	+
36	GLASER Moritz	17	GER	4	6	27	23	0.667	4	+
37	CHAN Wing Tung	16	HKG	4	6	23	20	0.667	3	+
38	WONG Yi Nok	14	HKG	4	6	22	19	0.667	3	+
39	GOH Jinlin	14	AUS	4	6	24	22	0.667	2	+
40	LEE Cheok Nam	17	MAC	4	6	22	23	0.667	-1	+
41	SHEE Tim Zhe Guang	19	SGP	3	5	21	13	0.6	8	+
42	CHAN Yik Yuen	18	HKG	3	5	22	15	0.6	7	+
43	TAN Yun Kai	17	SGP	3	5	22	18	0.6	4	+
44	CHEN Pin-Jui	16	TPE	3	5	21	17	0.6	4	+
45	YUEN Nok Man	17	HKG	3	5	20	17	0.6	3	+

Place	Name	Age	Nation	V	M	TD	TR	Ind.	Diff	Q
46	CHEN Chun Hei	13	HKG	3	5	21	20	0.6	1	+
47	AN Lihan	16	KOR	3	6	25	22	0.5	3	+
48	WALKOWIAK Szymon	17	POL	3	6	24	22	0.5	2	+
49	HE Robin	16	HKG	3	6	24	23	0.5	1	+
50	YOSHIDA Soshi	18	JPN	3	6	21	20	0.5	1	+
51	ONG Azfar Luqman	17	SGP	3	6	22	22	0.5	0	+
52	JIAN Long Hin	19	HKG	3	6	19	23	0.5	-4	+
52	LEE Benjamin Shijie	15	SGP	3	6	19	23	0.5	-4	+
54	NG Siu Foo	16	HKG	2	5	20	17	0.4	3	+
55	BALL LA HOOD Joel	17	NZL	2	5	18	19	0.4	-1	+
56	HILL Alister	19	AUS	2	5	21	23	0.4	-2	+
57	JANG Zong-Kai	17	TPE	2	5	19	22	0.4	-3	+
58	SO Man Him Elroy	19	HKG	2	5	15	18	0.4	-3	+
59	CHAN Edward	16	HKG	2	5	16	20	0.4	-4	+
60	NESTERUK Mikhail	18	MLT	2	5	15	19	0.4	-4	+
60	SUNDARA Arval Raziul Ridwan	17	INA	2	5	15	19	0.4	-4	+
62	MALVAR Lorenzo Miguel	19	PHI	2	5	17	23	0.4	-6	+
63	CABRERA Jose Faber	17	PHI	2	5	14	22	0.4	-8	+
64	CHANG Chih-Yu	18	TPE	2	6	21	21	0.333	0	+
65	KO Tsz Long	15	HKG	2	6	23	24	0.333	-1	+
66	LIN Hsuan-Yu	18	TPE	2	6	23	25	0.333	-2	+
67	FUENTES Enrico Gabriel	16	PHI	2	6	22	25	0.333	-3	+
68	ERDENEBAT Temuulen	18	MGL	2	6	21	24	0.333	-3	+
69	PAN Yi-Chuan	18	TPE	2	6	23	27	0.333	-4	+
70	KOK Kieron Zi Hua	19	SGP	2	6	21	25	0.333	-4	+
71	ELGEZZERY Badreldin	17	EGY	2	6	22	27	0.333	-5	+
72	LEE Yuet Sun	18	HKG	2	6	20	25	0.333	-5	+
73	LAI Ka Hei	18	HKG	2	6	16	24	0.333	-8	+
74	SUN Qi Cevin	17	SGP	1	5	17	23	0.2	-6	+
75	PRICE James	18	NZL	1	5	16	22	0.2	-6	+
76	LIU Henry	17	AUS	1	5	14	21	0.2	-7	-
77	SUNG Ka Wing	18	MAC	1	6	16	24	0.167	-8	-
78	LI Cheuk Him Isaac	18	HKG	1	6	16	27	0.167	-11	-
79	POWRIE Liam	17	AUS	1	6	14	27	0.167	-13	-
80	AU Ting Tsun	18	HKG	1	6	15	29	0.167	-14	-
81	LUKMAN Andi Akbar Wirasa Tuhu	19	INA	1	6	14	28	0.167	-14	-
82	YEUNG Kit Shing	15	HKG	1	6	13	27	0.167	-14	-
83	KAM Shun Yiu Aidan	18	HKG	1	6	13	28	0.167	-15	-
84	RAMOS John Dexter	19	PHI	0	5	14	25	0	-11	-
85	LAU Wan King	19	HKG	0	5	12	25	0	-13	-
86	WU Yi-Zhe	19	TPE	0	6	16	30	0	-14	-
87	TICKLE Sidney	15	NZL	0	6	13	30	0	-17	-
88	SON Diego Rafael	14	PHI	0	5	8	25	0	-17	-
89	TAI Wang Chon	18	MAC	0	6	11	29	0	-18	-
89	WANG Liangdi	17	HKG	0	6	11	29	0	-18	-
91	LAI In Nam	18	MAC	0	6	9	28	0	-19	-
92	YONG William	17	MAC	0	6	7	30	0	-23	-
93	LAI Cheok Hei	16	MAC	0	6	6	30	0	-24	-

## RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event	Type
Coupe du Monde *	Hong Kong	2023-12-02	J	E	M	I	A

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

Tableau of 128

LEE Rang	TPE	
BYE		

KO Tsz Long	HKG	V/15
CHANG Chih-Yu	TPE	D/6

YUMINAGA Taka...	JPN	
BYE		

DERGAY David	GER	
BYE		

HUNG Hong Chu...	HKG	
BYE		

WALKOWIAK Szy...	POL	
BYE		

HE Robin	HKG	
BYE		

HO Ian Tsung Sian	SGP	
BYE		

Tableau of 64

LEE Rang	TPE	V/15
KO Tsz Long	HKG	D/9

YUMINAGA Taka...	JPN	V/15
DERGAY David	GER	D/6

HUNG Hong Chu...	HKG	D/14
WALKOWIAK Szy...	POL	V/15

HE Robin	HKG	V/15
HO Ian Tsung Sian	SGP	D/14

SHINOHARA Koh	JPN	
BYE		

SHINOHARA Koh	JPN	V/15
HILL Alister	AUS	D/7

LAI Ka Hei	HKG	D/14
HILL Alister	AUS	V/15

SHEE Tim Zhe G...	SGP	
BYE		

SHEE Tim Zhe G...	SGP	V/15
LAU Ka Long	HKG	D/10

LAU Ka Long	HKG	
BYE		

HUANG Fohei	MAC	
BYE		

HUANG Fohei	MAC	V/15
LEE Cheok Nam	MAC	D/14

LEE Cheok Nam	MAC	
BYE		

JANG Zong-Kai	TPE	V/13
LEE Yuet Sun	HKG	D/12

JANG Zong-Kai	TPE	D/6
LIM Julien Kenneth	HKG	V/15

LIM Julien Kenneth	HKG	
BYE		

GOUGE Cooper	NZL	
BYE		

GOUGE Cooper	NZL	V/15
PAN Yi-Chuan	TPE	D/7

PAN Yi-Chuan	TPE	V/15
NESTERUK Mikh...	MLT	D/5

CHAN Wing Tung	HKG	
BYE		

CHAN Wing Tung	HKG	V/15
LAM Wai Tai David	HKG	D/14

LAM Wai Tai David	HKG	
BYE		

NAKAMOTO Nao...	JPN	
BYE		

NAKAMOTO Nao...	JPN	V/15
CHEN Pin-Jui	TPE	D/10

CHEN Pin-Jui	TPE	
BYE		

LEE Benjamin Sh...	SGP	
BYE		

LEE Benjamin Sh...	SGP	D/14
LABAKI Samuel	AUS	V/15

LABAKI Samuel	AUS	
BYE		



CHAN Adrian	HKG	
BYE		

CHAN Adrian	HKG	D/11
JIAN Long Hin	HKG	V/15

JIAN Long Hin	HKG	
BYE		

YUEN Nok Man	HKG	
BYE		

YUEN Nok Man	HKG	V/14
CHEN Bing-Jyun	TPE	D/13

CHEN Bing-Jyun	TPE	
BYE		

WONG Tsz Ho	HKG	
BYE		

WONG Tsz Ho	HKG	V/15
GLASER Moritz	GER	D/8

GLASER Moritz	GER	
BYE		

SUNDARA Arval R...	INA	V/15
ERDENEBAT Tem...	MGL	D/11

SUNDARA Arval R...	INA	D/10
FERNANDEZ CA...	ESP	V/15

FERNANDEZ CA...	ESP	
BYE		

YASUDA Kazuma	JPN	
BYE		

YASUDA Kazuma	JPN	V/15
FUENTES Enrico...	PHI	D/6

FUENTES Enrico...	PHI	V/15
MALVAR Lorenzo...	PHI	D/12

PETERSON Nolan	NZL	
BYE		

PETERSON Nolan	NZL	D/14
KOK Kieron	SGP	V/15

KOK Kieron	SGP	
BYE		

TANG Cheuk Yin	HKG	
BYE		

TANG Cheuk Yin	HKG	V/15
CHEN Chun Hei	HKG	D/5

CHEN Chun Hei	HKG	
BYE		

ONG Azfar Luqm...	SGP	
BYE		

ONG Azfar Luqm...	SGP	D/9
SAMOILOV Roman	UKR	V/15

SAMOILOV Roman	UKR	
BYE		

HSU Jia Huan Ke...	HKG	
BYE		

HSU Jia Huan Ke...	HKG	V/15
PRICE James	NZL	D/11

PRICE James	NZL	V/10
NG Siu Foo	HKG	D/9

TAN Yun Kai	SGP	
BYE		

TAN Yun Kai	SGP	D/12
USUI Kosei	JPN	V/15

USUI Kosei	JPN	
BYE		

LEE Yunjae	KOR	
BYE		

LEE Yunjae	KOR	V/15
WONG Yi Nok	HKG	D/11

WONG Yi Nok	HKG	
BYE		

CHAN Edward	HKG	D/11
KOK Kieron Zi Hua	SGP	V/15

KOK Kieron Zi Hua	SGP	V/15
BAE Junho	KOR	D/12

BAE Junho	KOR	
BYE		

ITO Kaiun	JPN	
BYE		

ELGEZZERY Bad...	EGY	V/15
SO Man Him Elroy	HKG	D/14

GOH Jinlin	AUS	
BYE		

MCCLELLAND D...	AUS	
BYE		

TSANG Yun Tin	HKG	
BYE		

CHAN Yik Yuen	HKG	
BYE		

BALL LA HOOD J...	NZL	V/15
SUN QI Cevin	SGP	D/12

KOJO Hayato	JPN	
BYE		

ITO Kaiun	JPN	V/12
ELGEZZERY Bad...	EGY	D/6

GOH Jinlin	AUS	D/4
MCCLELLAND D...	AUS	V/15

TSANG Yun Tin	HKG	D/10
CHAN Yik Yuen	HKG	V/15

BALL LA HOOD J...	NZL	D/8
KOJO Hayato	JPN	V/15

GAO Ying Chuen	HKG	
BYE		

GAO Ying Chuen	HKG	D/11
YOSHIDA Soshi	JPN	V/15

YOSHIDA Soshi	JPN	
BYE		

AN Lihan	KOR	
BYE		

AN Lihan	KOR	V/12
SIGMUND Philipp	GER	D/10

SIGMUND Philipp	GER	
BYE		

CHIA Thadeus Ju...	SGP	
BYE		

CHIA Thadeus Ju...	SGP	V/15
WONG Ho Hin	HKG	D/14

WONG Ho Hin	HKG	
BYE		

CABRERA Jose F...	PHI	A/0
LIN Hsuan-Yu	TPE	V/0

LIN Hsuan-Yu	TPE	D/6
LIN Jhe-Cyun	TPE	V/15

LIN Jhe-Cyun	TPE	
BYE		

2023-12-04

# RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event	Type
Coupe du Monde *	Hong Kong	2023-12-02	J	E	M	I	A

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

Tableau of 64

LEE Rang	TPE	V/15
KO Tsz Long	HKG	D/9

YUMINAGA Taka...	JPN	V/15
DERGAY David	GER	D/6

HUNG Hong Chu...	HKG	D/14
WALKOWIAK Szy...	POL	V/15

HE Robin	HKG	V/15
HO Ian Tsung Sian	SGP	D/14

SHINOHARA Koh	JPN	V/15
HILL Alister	AUS	D/7

SHEE Tim Zhe G...	SGP	V/15
LAU Ka Long	HKG	D/10

HUANG Fohei	MAC	V/15
LEE Cheok Nam	MAC	D/14

JANG Zong-Kai	TPE	D/6
LIM Julien Kenneth	HKG	V/15

Tableau of 32

LEE Rang	TPE	V/15
YUMINAGA Taka...	JPN	D/14

WALKOWIAK Szy...	POL	V/15
HE Robin	HKG	D/13

SHINOHARA Koh	JPN	D/12
SHEE Tim Zhe G...	SGP	V/15

HUANG Fohei	MAC	D/13
LIM Julien Kenneth	HKG	V/15

Tableau of 16

LEE Rang	TPE	V/15
WALKOWIAK Szy...	POL	D/9

SHEE Tim Zhe G...	SGP	A/0
LIM Julien Kenneth	HKG	V/0

Tableau of 8

LEE Rang	TPE	V/15
LIM Julien Kenneth	HKG	D/9

GOUGE Cooper	NZL	V/15
PAN Yi-Chuan	TPE	D/7

CHAN Wing Tung	HKG	V/15
LAM Wai Tai David	HKG	D/14

NAKAMOTO Nao...	JPN	V/15
CHEN Pin-Jui	TPE	D/10

LEE Benjamin Sh...	SGP	D/14
LABAKI Samuel	AUS	V/15

CHAN Adrian	HKG	D/11
JIAN Long Hin	HKG	V/15

YUEN Nok Man	HKG	V/14
CHEN Bing-Jyun	TPE	D/13

WONG Tsz Ho	HKG	V/15
GLASER Moritz	GER	D/8

SUNDARA Arval R...	INA	D/10
FERNANDEZ CA...	ESP	V/15

GOUGE Cooper	NZL	V/15
CHAN Wing Tung	HKG	D/12

NAKAMOTO Nao...	JPN	V/15
LABAKI Samuel	AUS	D/8

JIAN Long Hin	HKG	D/12
YUEN Nok Man	HKG	V/15

WONG Tsz Ho	HKG	D/12
FERNANDEZ CA...	ESP	V/13

GOUGE Cooper	NZL	D/10
NAKAMOTO Nao...	JPN	V/11

NAKAMOTO Nao...	JPN	D/14
FERNANDEZ CA...	ESP	V/15

YUEN Nok Man	HKG	D/12
FERNANDEZ CA...	ESP	V/13

YASUDA Kazuma	JPN	V/15
FUENTES Enrico...	PHI	D/6

PETERSON Nolan	NZL	D/14
KOK Kieron	SGP	V/15

TANG Cheuk Yin	HKG	V/15
CHEN Chun Hei	HKG	D/5

ONG Azfar Luqm...	SGP	D/9
SAMOILOV Roman	UKR	V/15

HSU Jia Huan Ke...	HKG	V/15
PRICE James	NZL	D/11

TAN Yun Kai	SGP	D/12
USUI Kosei	JPN	V/15

LEE Yunjae	KOR	V/15
WONG Yi Nok	HKG	D/11

KOK Kieron Zi Hua	SGP	V/15
BAE Junho	KOR	D/12

YASUDA Kazuma	JPN	V/14
KOK Kieron	SGP	D/12

TANG Cheuk Yin	HKG	V/15
SAMOILOV Roman	UKR	D/11

HSU Jia Huan Ke...	HKG	V/15
USUI Kosei	JPN	D/10

LEE Yunjae	KOR	D/14
KOK Kieron Zi Hua	SGP	V/15

YASUDA Kazuma	JPN	V/15
TANG Cheuk Yin	HKG	D/12

YASUDA Kazuma	JPN	V/15
HSU Jia Huan Ke...	HKG	D/11

HSU Jia Huan Ke...	HKG	V/15
KOK Kieron Zi Hua	SGP	D/7



ITO Kaiun	JPN	V/12
ELGEZZERY Bad...	EGY	D/6

GOH Jinlin	AUS	D/4
MCCLELLAND D...	AUS	V/15

TSANG Yun Tin	HKG	D/10
CHAN Yik Yuen	HKG	V/15

BALL LA HOOD J...	NZL	D/8
KOJO Hayato	JPN	V/15

GAO Ying Chuen	HKG	D/11
YOSHIDA Soshi	JPN	V/15

AN Lihan	KOR	V/12
SIGMUND Philipp	GER	D/10

CHIA Thadeus Ju...	SGP	V/15
WONG Ho Hin	HKG	D/14

LIN Hsuan-Yu	TPE	D/6
LIN Jhe-Cyun	TPE	V/15

ITO Kaiun	JPN	D/13
MCCLELLAND D...	AUS	V/14

CHAN Yik Yuen	HKG	D/10
KOJO Hayato	JPN	V/15

YOSHIDA Soshi	JPN	D/13
AN Lihan	KOR	V/15

CHIA Thadeus Ju...	SGP	D/9
LIN Jhe-Cyun	TPE	V/15

MCCLELLAND D...	AUS	D/12
KOJO Hayato	JPN	V/15

KOJO Hayato	JPN	V/15
AN Lihan	KOR	D/8

AN Lihan	KOR	V/15
LIN Jhe-Cyun	TPE	D/14

2023-12-04

## RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event	Type
Coupe du Monde *	Hong Kong	2023-12-02	J	E	M	I	A

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

### Tableau of 8

LEE Rang	TPE	V/15
LIM Julien Kenneth	HKG	D/9

NAKAMOTO Nao...	JPN	D/14
FERNANDEZ CA...	ESP	V/15

YASUDA Kazuma	JPN	V/15
HSU Jia Huan Ke...	HKG	D/11

KOJO Hayato	JPN	V/15
AN Lihan	KOR	D/8

### Semi-finals

LEE Rang	TPE	V/15
FERNANDEZ CA...	ESP	D/13

YASUDA Kazuma	JPN	D/9
KOJO Hayato	JPN	V/15

### Final

LEE Rang	TPE	V/15
KOJO Hayato	JPN	D/6

2023-12-04

## RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event Type
Coupe du Monde *	Hong Kong	2023-12-02	J	E	M	I A

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

Rank	Points	Name	Nationality	Age
1	32	LEE Rang	TPE	16
2	26	KOJO Hayato	JPN	19
3	20	YASUDA Kazuma	JPN	19
3	20	FERNANDEZ CALLEJA Alvaro	ESP	19
5	14	LIM Julien Kenneth	HKG	17
6	14	HSU Jia Huan Kenton	HKG	16
7	14	NAKAMOTO Naoshi	JPN	19
8	14	AN Lihan	KOR	16
9	8	LIN Jhe-Cyun	TPE	16
10	8	GOUGE Cooper	NZL	18
11	8	TANG Cheuk Yin	HKG	19
12	8	MCCLELLAND Darcy	AUS	18
13	8	SHEE Tim Zhe Guang	SGP	19
14	8	YUEN Nok Man	HKG	17
15	8	WALKOWIAK Szymon	POL	17
16	8	KOK Kieron Zi Hua	SGP	19
17	4	ITO Kaiun	JPN	19
18	4	SHINOHARA Koh	JPN	18
19	4	LABAKI Samuel	AUS	19
20	4	SAMOILOV Roman	UKR	19
21	4	USUI Kosei	JPN	18
22	4	HUANG Fohei	MAC	15
23	4	LEE Yunjae	KOR	15
24	4	WONG Tsz Ho	HKG	15
25	4	KOK Kieron	SGP	18
26	4	CHIA Thadeus Juay Che	SGP	19
27	4	YUMINAGA Takayuki	JPN	18
28	4	CHAN Wing Tung	HKG	16
29	4	CHAN Yik Yuen	HKG	18
30	4	HE Robin	HKG	16
31	4	YOSHIDA Soshi	JPN	18
32	4	JIAN Long Hin	HKG	19
33	2	BAE Junho	KOR	18
34	2	CHAN Adrian	HKG	19
35	2	GAO Ying Chuen	HKG	16
36	2	HO Ian Tsung Sian	SGP	17
37	2	HUNG Hong Chun Trillion	HKG	18
38	2	SIGMUND Philipp	GER	18
39	2	CHEN Bing-Jyun	TPE	15
40	2	TSANG Yun Tin	HKG	18
41	2	LAU Ka Long	HKG	16
42	2	LAM Wai Tai David	HKG	16
43	2	DERGAY David	GER	19
44	2	WONG Ho Hin	HKG	17
45	2	PETERSON Nolan	NZL	17

Rank	Points	Name	Nationality	Age
46	2	GLASER Moritz	GER	17
47	2	WONG Yi Nok	HKG	14
48	2	GOH Jinlin	AUS	14
49	2	LEE Cheok Nam	MAC	17
50	2	TAN Yun Kai	SGP	18
51	2	CHEN Pin-Jui	TPE	16
52	2	CHEN Chun Hei	HKG	13
53	2	ONG Azfar Luqman	SGP	17
54	2	LEE Benjamin Shijie	SGP	15
55	2	BALL LA HOOD Joel	NZL	17
56	2	HILL Alister	AUS	19
57	2	JANG Zong-Kai	TPE	17
58	2	SUNDARA Arval Raziel Ridwan	INA	17
59	2	KO Tsz Long	HKG	16
60	2	LIN Hsuan-Yu	TPE	18
61	2	FUENTES Enrico Gabriel	PHI	16
62	2	PAN Yi-Chuan	TPE	18
63	2	ELGEZZERY Badreldin	EGY	17
64	2	PRICE James	NZL	18
65	1	NG Siu Foo	HKG	16
66	1	SO Man Him Elroy	HKG	19
67	1	CHAN Edward	HKG	16
68	1	NESTERUK Mikhail	MLT	18
69	1	MALVAR Lorenzo Miguel	PHI	19
70	1	CABRERA Jose Faber	PHI	17
71	1	CHANG Chih-Yu	TPE	18
72	1	ERDENEBAT Temuulen	MGL	18
73	1	LEE Yuet Sun	HKG	18
74	1	LAI Ka Hei	HKG	18
75	1	SUN QI Cevin	SGP	17
76	0	LIU Henry	AUS	17
77	0	SUNG Ka Wing	MAC	18
78	0	LI Cheuk Him Isaac	HKG	18
79	0	POWRIE Liam	AUS	17
80	0	AU Ting Tsun	HKG	18
81	0	LUKMAN Andi Akbar Wirasa Tuhu	INA	19
82	0	YEUNG Kit Shing	HKG	15
83	0	KAM Shun Yiu Aidan	HKG	19
84	0	RAMOS John Dexter	PHI	19
85	0	LAU Wan King	HKG	19
86	0	WU Yi-Zhe	TPE	19
87	0	TICKLE Sidney	NZL	15
88	0	SON Diego Rafael	PHI	15
89	0	TAI Wang Chon	MAC	18
89	0	WANG Liangdi	HKG	17
91	0	LAI In Nam	MAC	18
92	0	YONG William	MAC	17
93	0	LAI Cheok Hei	MAC	16